

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005 đã được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, và các văn bản khác có liên quan.

- Căn cứ quyết định số: 335/QĐ.CTT ngày 17 tháng 03 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt phương án và chuyển công ty dược - vật tư y tế tỉnh Trà Vinh từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

Chúng tôi, những cổ đông của Đại hội đồng cổ đông thành lập, cũng như các cổ đông tham gia sau này cùng tán thành và cam kết thực hiện theo bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm gồm các điều khoản như sau :

PHẦN MỞ ĐẦU

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

1. Luật doanh nghiệp có nghĩa là luật doanh nghiệp được quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

2. Hội đồng có nghĩa là hội đồng quản trị của công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm.

3. Ngày thành lập là ngày mà công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký sản xuất kinh doanh.

4. **Cổ đông** : có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

5. **Cổ phiếu**: là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của cổ đông đóng góp trong công ty.

6. **Cổ tức** : là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty để trả cho mỗi cổ phần.

7. Người quản lí doanh nghiệp là chủ sở hữu gồm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh vị trí quản lí khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

8. Người đại diện pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

9. Người đại diện theo pháp luật của công ty là Tổng giám đốc điều hành.

10. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty theo quy định tại khoản 17 điều 4 của luật doanh nghiệp.

11. Cổ đông sáng lập : là người tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của công ty và cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của công ty.

12. Vốn góp : là việc được đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu của công ty.

13. Phần vốn góp : là tỷ lệ mà chủ sở hữu của công ty góp vào vốn điều lệ.

14. Thời hạn hoạt động : là thời hạn hoạt động của công ty được quy định tại điều 1 của điều lệ này và thời gian gia hạn khi được đại hội đồng cổ đông của công ty thông qua bằng nghị quyết.

15. Việt Nam : có nghĩa là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG I

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên công ty và hình thức tổ chức hoạt động

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.PHARM

2. Tên tiếng Anh : TV.Pharm Pharmaceutical Joint – Stock Company.

3. Tên giao dịch : TV.PHARM

4. Hình thức hoạt động

Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm (sau đây gọi tắt là công ty), là doanh nghiệp nhà nước chuyên đổi thành công ty cổ phần tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

5. Hệ thống tổ chức của công ty gồm:

a). Trụ sở chính của công ty đặt tại : số 27 Khóm 2– Phường 9 – Thị xã Trà Vinh – Tỉnh Trà Vinh.

Số điện thoại : (074).854677 – (074).753121 – (074).855371

Số Fax : (074).855372

Email : info@tvpharm.com.vn

Website : www.tvpharm.com.vn

b). Các chi nhánh của công ty

* **Chi nhánh Hà Nội (gọi tắt là KV₁)**

- Thành lập ngày 17 tháng 06 năm 2003

- Địa chỉ : 95 đường Láng Hạ- phường Láng Hạ– Quận Đống Đa – TP. Hà Nội.

- Số điện thoại : 04 8561029

- Số Fax : 04 5140237

* **Chi nhánh tại TP.HCM (gọi tắt là KV₂)**

- Thành lập ngày 10 tháng 06 năm 2003

- Địa chỉ : Q1 Bis – Đường Bạch Mã – Cư Xá Bắc Hải – Phường 15 – Quận 10 – TP.HCM.

- Số điện thoại : 08 9702357

- Số Fax : 08 8652024

- Email : tvp@hcm.vnn.vn

*** Chi nhánh tại Trà Vinh (gọi tắt là KV₃)**

- Thành lập ngày 16 tháng 09 năm 2004

- Địa chỉ : 37-39, Đường Phạm Thái Bường, Phường 3, TX Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

- Số điện thoại : 074 753095

- Số Fax : 074 753072

c). Một cụm công nghiệp bao gồm các nhà máy sản xuất dược phẩm – sản phẩm khác.

d). Một trung tâm kiểm nghiệm, nghiên cứu và phát triển.

e). Người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm là Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc điều hành.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn (trong nước và nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Điều 2: Mục tiêu và lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

1. Mục tiêu : Công ty được thành lập để huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm theo chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả tối đa các khoản thu lợi nhuận hợp lí, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và không ngừng phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Chức năng sản xuất kinh doanh.

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng sau :

- Thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng.
- Thuốc và nguyên liệu, tá dược dùng cho thú y.
- Nguyên liệu, hương liệu, dược liệu, tá dược, bao bì dùng làm thuốc cho người và trang thiết bị dùng trong ngành y dược.
- Mỹ phẩm, hoá chất xét nghiệm, thiết bị - dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hoá - sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài).
- Thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước uống không chứa cồn.

Công ty có thể mở rộng, thu hẹp phạm vi hoạt động do hội đồng quản trị quyết định.

Khi thay đổi mục tiêu, chức năng sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp, vốn điều lệ và các nội dung khác trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, công ty phải đăng ký lại với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên các thông tin đại chúng.

Điều 3: Tư cách pháp nhân, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của công ty.

1/. Tư cách pháp nhân

a). Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b). Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, các ngân hàng, tổ chức tín dụng trong nước hoặc ngoài nước đúng quy định của pháp luật.

c). Có điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm hữu hạn về tài chính đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.

d). Chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về hoạt động tài chính của công ty.

2/. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của công ty

a). Công ty được phép lập ký và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ tổ chức hoạt động này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

b). Công ty tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho công ty.

c). Các cổ đông của công ty tự nguyện góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chia lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của công ty trong phần vốn góp vào công ty.

e). Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông.

f). Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để giám sát hoạt động kinh doanh và vốn của công ty.

g). Điều hành hoạt động của công ty là Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

h). Phương châm hoạt động của công ty : tuân thủ mọi điều kiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, lấy hiệu quả là tiêu chí duy nhất đánh giá, xếp loại hình doanh nghiệp, lấy sản xuất làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

i) Công ty cổ phần được phẩm TV.Pharm thực hiện hệ thống quản lí chất lượng toàn diện theo quy định của ngành và quy định của pháp luật.

Điều 4: Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể chính trị – xã hội

1. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ chính sách quy định tại điều lệ này, các quy chế của công ty và pháp luật.

2. Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị khác trong công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và điều lệ, quy định của các tổ chức đó.

3. Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của công ty.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 5: Quyền hạn của công ty

1. Công ty có quyền quản lý sử dụng và định đoạt về tài sản, vốn, nhà xưởng, các nguồn lực khác do các cổ đông đóng góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty, được quyền nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất .

2. Tổ chức sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký và pháp luật không cấm, đầu tư mở rộng quy mô theo khả năng của công ty và nhu cầu của thị trường, có thể kinh doanh thêm ngành nghề phụ khác, sau khi đã đăng ký bổ sung và đáp ứng các điều quy định.

3. Tổ chức quản lí, tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của công ty, áp dụng phương pháp quản lý khoa học hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

4. Lựa chọn lĩnh vực, quyết định địa bàn đầu tư, hình thức, mức độ đầu tư, quyết định hình thức liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác.

5. Chủ động tìm kiếm thị trường và khách hàng, trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng với các khách hàng trong nước và ngoài nước. Được quyền liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo luật định, xuất nhập khẩu theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

6. Công ty được lựa chọn các hình thức, cách thức huy động vốn theo quy định của pháp luật.

7. Tuyển chọn bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, trả thưởng và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của pháp luật.

8. Được mời và tiếp khách nước ngoài tại công ty phù hợp với chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác của công ty và các quy định quản lý pháp luật.

9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Nghĩa vụ của công ty

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký.

2. Thực hiện đúng chế độ và quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, lập sổ sách kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập các báo cáo tài chính trung thực chính xác.

3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, sản phẩm theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

5. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo.

6. Thực hiện chế độ tuyển dụng và quản lý đối với người lao động theo quy định của pháp luật, ưu tiên sử dụng lao động địa phương, lao động trong nước, đảm

bảo quyền lợi, lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động và tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn.

7. Tuân thủ quy định pháp luật về an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh.

8. Thực hiện các quy định khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

Điều 7 : **Vốn điều lệ**

1. Tại thời điểm thông qua điều lệ này, vốn điều lệ của công ty là 63.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi ba tỷ đồng Việt Nam).

2. Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 6.300.000 phần bằng nhau, gọi là cổ phần. Trị giá mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ, gọi là mệnh giá cổ phần.

3. Cơ cấu vốn điều lệ

Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông trong đó :

- Vốn cổ phần thuộc sở hữu nhà nước : 27.387.000.000VNĐ bằng 2.738.700 cổ phần.

- Vốn cổ phần ưu đãi cổ đông chiến lược : 3.000.000.000 VNĐ bằng 300.000 cổ phần.

- Vốn của cổ đông khác : 32.613.000.000 VNĐ bằng 3.261.300 cổ phần.

4. Công ty có thể điều chỉnh : tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Không dùng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần hoặc phân tán tài sản công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh, giảm vốn điều lệ sau khi đáp ứng các điều kiện luật định.

6. Tất cả các cổ phần do công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi kể cả các cổ phần của nhà nước nắm giữ, các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại các điều trong luật doanh nghiệp và quy định tại điều 10, điều 11 của điều lệ này.

Điều 8 : **Vốn góp cổ phần**

1. Vốn cổ phần có thể đóng góp bằng tiền Việt Nam, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc các phương tiện máy móc thiết bị, nhà xưởng, đất đai và các tài sản khác, phục vụ sản xuất, kinh doanh của công ty. Vốn góp này phải được định giá theo thời giá tính thành tiền Việt nam để xác định số lượng cổ phiếu ngay tại thời điểm góp vốn và được Hội đồng quản trị quyết định và báo cáo lại cho Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Các cá nhân, tổ chức cam kết góp vốn vào công ty phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng đất cho công ty theo quy định đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu. Thời hạn làm thủ tục bàn giao chuyển quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng đất cho công ty từ một tháng đến ba tháng.

3. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt, kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

4. Tên địa chỉ số lượng cổ phần sở hữu và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của luật doanh nghiệp.

5. Cổ phần của nhà nước nắm giữ quyền chi phối tại công ty là cổ phần phổ thông coi là cổ đông sáng lập, việc giải quyết các vấn đề quản lý vốn nhà nước như: Quyết định chiến lược, kế hoạch hàng năm của doanh nghiệp, đầu tư liên doanh, chuyển đổi hình thức tổ chức doanh nghiệp, giới thiệu thành viên tham gia Hội đồng quản trị, chia cổ phần ưu đãi biểu quyết cho các thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị theo luật quy định do người trực tiếp quản lý vốn nhà nước và Hội đồng quản trị quyết định.

6. Cổ phần của nhà nước là cổ phần phổ thông, được quyền sang nhượng chào bán khi được sự chấp thuận của nhà nước. Cổ phần ưu đãi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cán bộ chủ chốt, cổ đông ưu đãi chiến lược là cổ phiếu ghi danh không được chuyển nhượng trong thời gian quy định tại điều 12.1.c của điều lệ này.

7. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong công ty là cổ phiếu ghi danh, được tự do chuyển nhượng sau 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép khi đã thanh toán đầy đủ các khoản công nợ với ngân hàng và công ty.

8. Công ty có quyền phát hành trái phiếu có đảm bảo và không đảm bảo, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chuyển quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Công ty có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn.

Điều 9 : Các loại cổ phần

1. Công ty có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

2. Công ty có thể có cổ phần ưu đãi, người sở hữu cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi.

Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây

- a). Cổ phần ưu đãi biểu quyết
- b). Cổ phần ưu đãi cổ tức
- c). Cổ phần ưu đãi hoàn lại
- d). Các cổ phần ưu đãi khác do điều lệ công ty quy định

3. Chỉ có tổ chức Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh, sau thời hạn đó cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại hình điều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi, cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV

QUYỀN HẠN CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Điều 10: Cổ đông là những người chủ sở hữu của công ty và có quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây :

a). Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b). Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c). Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.

d). Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 điều 84 của Luật doanh nghiệp.

đ). Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông, có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác

e). Xem xét, tra cứu sao chép hoặc trích lục điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

g). Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty.

h). Các quyền khác theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây :

a). Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử một ứng cử viên Hội đồng quản trị; cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

b). Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của Hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo khác của Ban kiểm soát.

c). Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu, chứng thực các nhân hợp pháp của tổ chức và cá nhân, số lượng cổ phần và thời

điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

d). Các quyền khác theo luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây.

a). Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

b). Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

c). Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ, thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, số quyết định thành lập, đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là cá nhân và tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Các cổ đông phổ thông tự nguyện hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay sau khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 11: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đầy đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ công ty và chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

4. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a). Vi phạm pháp luật
- b). Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức cá nhân khác.
- c). Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 12: Các loại cổ phần ưu đãi và quyền cổ đông ưu đãi.

1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết:

a). Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết cao hơn so với cổ phần phổ thông, số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.

b). Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây :

- Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số biểu quyết theo quy định tại điểm a điều này.

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản c điều này.

c). Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác trong thời gian quy định; đối với cổ phần cổ đông ưu đãi chiến lược là 36 tháng; đối với cổ phần ưu đãi cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và cán bộ chủ chốt là 24 tháng (hoặc Hội đồng quản trị có quy định khác).

2. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức.

a). Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cả cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

b). Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:

- Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản a điều này.

- Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản.

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản c điều này.

c). Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

3. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại :

a). Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

b). Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản c điều này.

c). Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 13: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Trừ trường hợp quy định tại khoản 8 điều này.

2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu công ty và phải có chữ ký của đại diện pháp luật theo quy định tại luật doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

3. Theo quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng 60 ngày hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định); sau khi mua hoặc chuyển nhượng.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới sẽ được cấp nhật ghi nhận số cổ phần chuyển nhượng đó vào cổ phiếu ghi danh và được Chủ tịch hội đồng quản trị ký xác nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên : 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng) trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo mới được quyền đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và công ty không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời phiếu mới), người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo mới được quyền đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

8. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan tới các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Đại diện pháp luật của công ty.

9. Căn cứ vào các quy định của luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Công ty phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 14: **Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông gồm có nội dung chủ yếu sau:

a). Tên địa chỉ, trụ sở chính của công ty.
b). Tổng số cổ phần được quyền chào bán, và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c). Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

d). Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.

đ). Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc tại trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

4. Cổ đông sở hữu 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 15: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây :

a). Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

b). Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty.

c). Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của đa số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

d). Các trường hợp khác và chiết khấu trong các trường hợp đó do điều lệ công ty quy định.

2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a). Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo địa chỉ sổ đăng ký cổ đông trước 10 (mười) ngày làm việc để biết tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần, thời hạn đăng ký mua, họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý, đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần, kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành.

b). Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận quyền ưu tiên mua, đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do HĐQT quản lý và phân phối theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp nhận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đầy đủ và những thông tin về người mua quy định tại điểm đ khoản 2 điều 14 Điều lệ này, được ghi đúng ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty. Sau khi cổ phần được bán, công ty phát hành cổ phiếu trao cho người mua.

4. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 điều 12 của Điều lệ này. Việc chuyển nhượng thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan theo cam kết cho đến khi tên của những người chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

5. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán /Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường của Sở giao dịch chứng khoán /Trung tâm giao dịch chứng khoán.

6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 16: Phát hành, mua cổ phiếu, trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, như quy định tại điều 88 của luật doanh nghiệp.

2. Cổ phần trái phiếu của công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

3. Công ty được quyền mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty. Thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại theo quy định tại điều 90, điều 91, điều 92 của luật doanh nghiệp.

Điều 17: Thừa kế và thu hồi cổ phần

1. Thừa kế cổ phần.

- Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo luật dân sự Việt Nam quy định.

- Trường hợp cổ đông qua đời, công ty công nhận những người thừa kế hợp pháp có quyền thừa kế một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất, nhưng mỗi cổ phần chỉ mang tên một người thừa kế, công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế cổ đông của công ty.

- Khi có quyền sở hữu thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

- Trường hợp thừa kế số cổ phần ưu đãi trả dần thì người thừa kế phải chịu trách nhiệm thừa kế nghĩa vụ trả dần cho nhà nước. Nếu người sở hữu cổ phần khi qua đời không có người thừa kế thì Công ty thu hồi số cổ phần đó trả cho nhà nước.

- Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được thừa kế nhưng người thu nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu, không thể đương nhiệm thừa kế làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát.

2. Thu hồi cổ phần

- Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì HĐQT có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do không thanh toán này gây ra cho công ty. Thông báo ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo và địa điểm thanh toán. Nếu cổ đông không chấp hành đúng theo yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

- Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và chi phí có liên quan, việc thu hồi này bao gồm tất cả cổ tức được công bố với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ trở thành tài sản của công ty và có thể được bán, tái phân phối lại hoặc cách khác do Hội đồng quản trị thấy đó là phù hợp.

- Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho công ty cộng với tiền lãi theo tỉ lệ lãi suất cho vay Ngân hàng thương mại nhà nước theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

CHƯƠNG V

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18: Cơ cấu tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty bao gồm

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

2. Hội đồng quản trị (HDQT)
3. Tổng giám đốc điều hành (TGĐĐH)
4. Ban kiểm soát (BKS)
5. Các chức danh quản lý khác do HDQT quy định

Chủ tịch HDQT là người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam. Nếu đi vắng trên 15 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại điều lệ này, để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Điều 19: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty
- Đại hội đồng cổ đông thường niên
- Đại hội đồng cổ đông bất thường

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây :

- a). Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- b). Biểu quyết các loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- c). Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát.
- d). Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong bản báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- đ). Quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ công ty, điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán.
- e). Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- g). Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- h). Xem xét và xử lý các vi phạm của HDQT, BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- i). Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- k). Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông là tổ chức, kể cả cổ đông nhà nước có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản của chủ sở hữu các cổ phần đó đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có nội dung chủ yếu sau đây :

- a). Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định đăng ký kinh doanh của cổ đông.
- b). Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty.
- c). Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng từ cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền.

- d). Số cổ phần được ủy quyền đại diện.
- đ). Thời hạn đại diện theo ủy quyền
- e). Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản c điều này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 20: Quyền và nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường do Hội đồng quản trị triệu tập, ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp HĐQT phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn 105 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp đặc biệt, khó khăn HĐQT có thể đề nghị gia hạn nhưng không quá 06 tháng.

- Đại biểu dự đại hội đồng thường niên phải có ít nhất 5.000 cổ phần, những người có cổ phần dưới mức quy định có thể họp nhau lại cho đủ rồi cử đại diện đi dự đại hội.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề sau đây:

- a). Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.
- b). Báo cáo của Ban kiểm soát.
- c). Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- d). Kế hoạch phát triển ngắn hạn dài hạn của công ty.
- đ). Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
- e). Chi phí và mức thù lao HĐQT và BKS
- i). Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- i). Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các quyết định bằng văn bản các quyết định sau:

- a). Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- b). Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông.
- c). Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
- d). Lựa chọn công ty kiểm toán.
- e). Bầu, bãi miễn và thay thế Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
- f). Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.
- g). Bổ sung và sửa đổi điều lệ.

h). Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ phần của các nhà đầu tư chiến lược.

i). Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty.

j). Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý.

k). Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông của công ty.

l). Quyết định giao dịch bán tài sản của công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua bán có giá trị từ 50% trở lên tổng số tài sản của công ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

m). Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.

n). Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

o). Công ty hoặc các chi nhánh của công ty ký hợp đồng với những người được quy định tại điều 120.1 của luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của công ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

p). Các vấn đề khác theo quy định của điều lệ này và các quy chế khác của công ty.

5. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a). Các hợp đồng quy định tại Điều 20.4 điều lệ này khi cổ đông đó và người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

b). Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó.

6. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây :

a). Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của công ty và HĐQT cũng thừa nhận như vậy.

b). Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn một nửa số thành viên theo quy định của pháp luật.

c). Theo yêu cầu của một nhóm cổ đông, của cổ đông quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều 10 của Điều lệ này.

d). Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 06 tháng hoặc báo cáo kiểm toán các năm tài chính đã bị mất một nửa.

đ). Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập nếu ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 119 luật doanh nghiệp, hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

8. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp cổ đông theo quy định trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm b, c, d, đ khoản 3 điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

9. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

10. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, 3 điều 10 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

11. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và đại điểm họp, gửi thông báo mời đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của luật doanh nghiệp.

12. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 21: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định một thời hạn khác ngắn hơn.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân họp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây :

a). Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b). Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c). Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 23: Mời họp Đại hội đồng cổ đông và quyền dự họp đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời hạn và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

3. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 3 điều 19 của Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a). Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.

b). Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c). Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a). Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b). Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

6. Quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này chậm nhất 48 giờ, trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

7. Trong thời gian từ ngày niêm yết danh sách cổ đông đến ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông Công ty không giải quyết chứng nhận chuyển nhượng của cổ đông.

8. Thay đổi các quyền

a). Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại điều 20.4 liên quan tới vốn cổ phần của công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

b). Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng và số cổ phần có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền điều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện điều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín điều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

c). Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định về điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông và thể thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d). Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của công ty sẽ không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 23 của Điều lệ này

Điều 25: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây :

a). Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b). Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

c). Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d). Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu

tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a). Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b). Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a). Địa điểm không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b). Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.

Điều 26: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

a). Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

b). Thông qua định hướng phát triển công ty

c). Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.

d). Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

đ). Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

e). Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

g). Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a). Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định;

b). Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

c). Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định thông qua.

Điều 27: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây :

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây :

a). Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty.

b). Mục đích lấy ý kiến.

c). Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- d). Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định.
- đ). Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- e). Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- g). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông đối với cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây :

- a). Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- b). Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định.
- c). Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- d). Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- đ). Các quyết định đã được thông qua.
- e). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Các quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28 : Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a). Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- b). Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c). Chương trình và nội dung cuộc họp.
- d). Chủ tọa và thư ký .
- đ). Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- g). Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- h). Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- i). Các quyết định đã được thông qua.
- k). Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 29: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1.** Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 2.** Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI

QUYỀN HẠN-CHẾ ĐỘ-TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Điều 30: Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 07 thành viên, số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, và nhiệm kỳ của mỗi thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ được bầu lại không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp các thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Sau khi được đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm mới sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm, việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 31: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có trình độ học vấn đại học trở lên. Có năng lực kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp.

2. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

3. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông có quyền biểu quyết đề cử. Việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại điều 10.2.a của điều lệ này.

4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề nghị thêm ứng cử viên và phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của công ty.

Điều 32: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của công ty không thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, giao cho cá nhân phụ trách.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a). Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.

b). Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c). Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d). Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty.

đ). Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của luật doanh nghiệp.

e). Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của luật doanh nghiệp hoặc Điều lệ công ty.

g). Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 43 của Điều lệ này.

h). Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác từ cấp trưởng phòng, ban và tương đương trở lên trực thuộc tổng công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

i). Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

k). Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

l). Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

m). Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

n). Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

o). Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

p). Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị như tiểu ban tài chính, tiểu ban lao động tiền lương ... thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các tiểu ban trực thuộc do Hội đồng quản trị quy định.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 33: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một chủ tịch. Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của công ty (trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác). Chủ tịch hội đồng quản trị nếu kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu bằng hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm hoặc không kiêm tổng giám đốc công ty; do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ sau đây :

- a). Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b). Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị .
- c). Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị
- d). Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- đ). Chủ tọa họp tại Đại hội đồng cổ đông
- e). Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và luật doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

6. Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 34: Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu chủ tịch Hội đồng quản trị tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a). Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b). Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
- c). Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- d). Các trường hợp khác do điều lệ công ty quy định;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên của Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 35: Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a). Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b). Mục đích, chương trình và nội dung cuộc họp;
 - c). Thời gian, địa điểm họp;
 - d). Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ). Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - e). Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g). Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
 - h). Các quyết định đã được thông qua;
 - i). Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
- Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp của Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị.

4. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc người có tư cách hành vi tiểu ban của Hội đồng quản trị sẽ được coi là giá trị pháp lý kể cả trong những trường hợp việc bầu chỉ định thành viên của tiểu ban Hội đồng quản trị có thể có sai sót

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

Điều 36: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 37: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây :

- a). Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điều 31 của điều lệ này;

b). Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c). Có đơn xin từ chức;

d). Các trường hợp khác do điều lệ công ty quy định

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 38: Tổng giám đốc điều hành công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm tổng giám đốc điều hành và bãi miễn. Tổng giám đốc điều hành không nhất thiết là thành viên Hội đồng quản trị hoặc là cổ đông của công ty.

2. Tổng giám đốc điều hành là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá ba năm; có thể được bổ nhiệm lại, thuê lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào quy định tại hợp đồng lao động, Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc :

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn đại học trở lên, kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Tổng giám đốc điều hành công ty không được đồng thời làm Tổng giám đốc, Giám đốc của doanh nghiệp khác.

3. Tổng giám đốc điều hành công ty có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a). Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b). Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị ;

c). Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d). Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

đ). Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e). Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g). Tuyển dụng lao động;

h). Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i). Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc điều hành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ hay đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có quyền bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có thể phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 39 : Hội đồng quản trị có thể chỉ định một (hoặc một số) người làm thư ký công ty. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý, thư ký công ty tùy thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm :

a). Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị và ban kiểm soát;

b). Làm biên bản các cuộc họp.

c). Tư vấn về thủ tục các cuộc họp

d). Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và điều lệ công ty

Điều 40: **Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị .**

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác theo kết quả hoàn thành công việc và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo tỷ lệ phần trăm lợi nhuận sau thuế. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng đối với cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành

5. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc điều hành và người quản lý được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ chủ tịch hoặc phó chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công chọn gói cho từng lần, lương, huê hồng, % lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 41: Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm :

a). Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b). Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 42: Nghĩa vụ của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây :

a). Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b). Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông công ty;

c). Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d). Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 điều này thì Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ này.

Điều 43: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị chấp thuận:

a). Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b). Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

c). Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng về giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại

phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VII

QUYỀN HẠN – CHẾ ĐỘ – TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 44: Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm trưởng Ban kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban Ban kiểm soát do điều lệ này quy định. Thành viên Ban kiểm soát phải thường trú tại Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên, có trình độ tốt nghiệp Đại học kế toán tài chính.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 45: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a). Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp;

b). Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty

Điều 46: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết

định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại điều 42 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận, và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về các công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 48: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát không được hưởng lương. Được hưởng thù lao theo tỷ lệ phần trăm trên lợi nhuận sau thuế và hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc

dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

Điều 49: Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và của cổ đông công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 điều này và gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 điều này đều thuộc sở hữu của công ty.

6. Trường hợp phát hiện các thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 50: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây :

a). Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điều 45, điều 49 Điều lệ này.

b). Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c). Có đơn xin từ chức.

d). Các trường hợp khác do điều lệ quy định

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

CHƯƠNG VIII **PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Điều 51: Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, các tổ chức sẽ được công bố và chia trả từ lợi nhuận giữ lại của công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. Công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại trung tâm Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

8. Căn cứ luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động

kinh doanh của công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể có cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi được nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG IX

CÁC TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 52: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

Điều 53: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

1. Hàng năm, công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của công ty.

2. Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông

- Quỹ khen thưởng
- Quỹ phúc lợi
- Quỹ đầu tư phát triển
- Số còn lại được phân chia cho các cổ phần (lợi tức).

3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:

- Quỹ bảo hành sản phẩm
- Quỹ khấu hao tài sản cố định
- Quỹ khấu hao sửa chữa lớn tài sản
- Các quỹ khác ...

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ.

Điều 54: Năm tài khoá

Năm tài khoá của công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép doanh nghiệp đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 55: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 56: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi lỗ của công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.

4. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Nếu công ty có một trang Web trên mạng thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý sáu tháng của công ty phải được đưa lên trang Web.

5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong thời giờ làm việc của công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

6. Các khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này được áp dụng khi công ty đã thực hiện niêm yết trên sàn giao dịch tại các Trung tâm niêm yết giao dịch chứng khoán.

Điều 57: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của luật doanh nghiệp.

Điều 58: Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến

hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho công ty phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện và kiểm toán công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG X

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 59: Tuyển dụng lao động và trả lương cho người lao động thực hiện theo chế độ hợp đồng giữa Tổng giám đốc và người lao động phù hợp với luật lao động và các quy định của nhà nước.

Điều 60: Mọi chế độ như Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và các chế độ khác theo quy định của pháp luật người lao động sẽ được công ty thực hiện theo chế độ hiện hành.

Điều 61: Người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả công việc của từng người. Mức lương bình quân của người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu do nhà nước quy định.

Điều 62: Người lao động phải có ý thức chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế của công ty, tôn trọng các chính sách, pháp luật của nhà nước và những quy định trong điều lệ này.

CHƯƠNG XI

TỔ TỤNG – THANH LÝ – GIẢI THỂ

Điều 63: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a). Khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b). Toà án tuyên bố công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c). Giải thể trước thời hạn theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận là bắt buộc.

Điều 64: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lí các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định của Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 65: Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc qua ủy quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 66: Thanh lý

1. Ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể công ty. Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a). Các chi phí thanh lý;
- b). Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c). Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà công ty phải trả cho Nhà nước;
- d). Các khoản vay (nếu có)
- e). Các khoản nợ khác của công ty.
- f). Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 67: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a). Một cổ đông hay các cổ đông với công ty;

b). Hoặc một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay Cán bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu mời hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XII

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU

Điều 68: Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Con dấu của công ty được sử dụng đúng trên các cổ phiếu, các chứng từ tài chính, các văn bản gửi đến các cơ quan quản lý, các đơn vị sản xuất kinh doanh có liên quan đến hoạt động của công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành công ty chịu trách nhiệm quản lý con dấu. Không được đóng dấu bất kỳ văn bản nào nếu không có chữ ký của Tổng giám đốc điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.

5. Mọi văn bản chứng từ có đóng dấu nhưng không có chữ ký của Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền điều không có giá trị pháp lý.

CHƯƠNG XIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 69: Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 13 chương 69 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm nhất trí thông qua theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 01 tháng 11 năm 2007 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó :
- a). Một bản nộp tại phòng công chứng nhà nước của địa phương.
 - b). Năm bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - c). Bốn bản lưu trữ tại Văn phòng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Sửa đổi và bổ sung điều lệ
- a). Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
 - b). Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Trà Vinh, ngày 01 tháng 11 năm 2007
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(đã ký)